

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Cao Minh Sơn
- Bà Thạch Thị Mỹ Kim

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Dân sự thụ lý số: 42/2021/TLST-DS, ngày 20 tháng 01 năm 2021.

Xét thấy: Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh S, sinh năm 1984, địa chỉ: Số Q, Đường M, khóm P, phường N, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1957, địa chỉ: Số X, Đường M, khóm P, phường N, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/- Bà Lê Thị G, sinh năm 1954

2/- Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1952

3/- Bà Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1986

4/- Bà Võ Hoàng Thanh K, sinh năm 1989

5/- Ông Nguyễn Minh L, sinh năm 1993

Cùng địa chỉ: Số Q, Đường M, khóm P, phường N, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp cho bà G, ông B, bà H, bà K, ông L là ông Ông Nguyễn Minh S, sinh năm 1984, địa chỉ: Số Q, Đường M, khóm P, phường N, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Theo văn bản ủy quyền

6/- Bà Trâm Thị Thanh C, sinh năm 1969

7/- Bà Nguyễn Thị Hồng A, sinh năm 1991

Cùng địa chỉ: Số X, Đường M, khóm P, phường N, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp cho bà C và bà A là ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1957, địa chỉ: Số X, Đường M, khóm P, phường N, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. theo văn bản ủy quyền ngày 15/11/2021.

8/- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo hợp pháp: Ông Phạm Ngọc Y, Giám đốc chi nhánh Trà Vinh, địa chỉ: Số R, đường Z, khóm P, phường 2, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Minh S cũng là người đại diện hợp pháp của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị G, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị Minh H, bà Võ Hoàng Thanh K, ông Nguyễn Minh L và ông Nguyễn Văn T cũng là người đại diện hợp pháp của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Trâm Thị Thanh C, bà Nguyễn Thị Hồng A thống nhất phân đất tranh chấp $1,7m^2$ trong đó $0,3m^2$ thuộc thửa số 119 và $1,4m^2$ thuộc thửa số 148, cùng tờ bản đồ số 14, đất tọa lạc tại khóm P, phường N, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh và bức tường trên đất thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn ông Nguyễn Minh S.

Đối với diện tích $1,4m^2$ thuộc thửa số 148, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại khóm 3, phường N, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, đất có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp vỉa hè, có số đo 0,07m;

Phía Tây giáp thửa số 119, có số đo 0,34m;

Phía Nam giáp thửa số 148, có số đo 20,95m;

Phía Bắc giáp thửa số 78, có số đo 21,28m.

Đối với diện tích $0,3m^2$ thuộc thửa số 119, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại khóm P, phường N, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, đất có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp thửa 148, có số đo 0,34m;

Phía Tây giáp thửa số 2669, có số đo 0,07m;

Phía Nam giáp thửa số 119, có số đo 5,16m;

Phía Bắc giáp thửa số 149 có số đo 4,83m.

(Kèm theo sơ đồ khu đất Công văn số: 479/CNTPTV, ngày 12/4/2023)

- Bị đơn ông Nguyễn Văn T và gia đình ông T có thời gian để tháo dỡ phần nhà gia cố và sửa chữa nhà theo quy định của pháp luật là 06 (sáu) tháng kể từ án có hiệu lực pháp luật (từ ngày 20 tháng 9 năm 2023 đến ngày 19 tháng 3 năm 2024).

- Nguyên đơn ông Nguyễn Minh S tự nguyện hỗ trợ chi phí gia cố, sửa chữa nhà cho bị đơn ông Nguyễn Văn T và gia đình ông T với số tiền là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, sau khi ông T và gia đình ông T tháo dỡ kiến trúc phần nhà ông T để trả bức tường của nhà cho nguyên đơn ông Nguyễn Minh S.

- Thời gian và phương thức thanh toán: Hai bên thỏa thuận do cơ quan thi hành án thi hành.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về chi phí tố tụng tổng cộng là: 8.534.000 (tám triệu năm trăm ba mươi bốn nghìn) đồng, nguyên đơn ông Nguyễn Minh S tự nguyện chịu toàn bộ nhưng được cân trừ vào số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng mà ông S đã nộp nên ông S được nhận lại 1.466.000.000 (một triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng nhận tại Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Đình chỉ đối với yêu cầu phân đất diện tích 2,3m² thuộc thửa số 149, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại khóm P, phường N, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Các đương sự được quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- **Về án phí Dân sự sơ thẩm:** 2.486.000 (hai triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn) đồng, nguyên đơn ông Nguyễn Minh S phải nộp 1.243.000 (một triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn) đồng, nhưng được cân trừ vào số tiền mà ông S đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003134, ngày 19/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, do số tiền cân trừ còn chưa đủ nên ông S phải nộp tiếp 943.000 (chín trăm bốn mươi ba nghìn) đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T phải nộp 1.243.000 (một triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn) đồng, nhưng ông T sinh năm 1957 là người trên 60 tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và ông T có đơn xin miễn án phí, nên miễn toàn bộ án phí cho bị đơn ông Nguyễn Văn T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TTV;
- VKSND TPTV;
- Chi cục Thi hành án DS TPTV;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Bích Chi